

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2012	01/01/2012
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		175.387.178.260	161.951.634.381
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	9.657.156.901	19.517.661.300
1. Tiền	111		8.657.156.901	12.517.661.300
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	7.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.953.371.000	7.924.465.001
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	4.002.352.470	14.241.925.736
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(2.048.981.470)	(6.317.460.735)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		85.704.885.412	82.311.352.760
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	36.916.378.743	47.826.909.757
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	2.143.315.721	2.714.431.434
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	52.451.190.569	37.576.011.190
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(5.805.999.621)	(5.805.999.621)
IV. Hàng tồn kho	140		69.781.720.305	46.376.037.663
1. Hàng tồn kho	141	V.8	75.773.308.635	52.367.625.993
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.9	(5.991.588.330)	(5.991.588.330)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.290.044.642	5.822.117.657
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	706.643.636	132.333.429
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.121.597.800	1.353.631.022
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		690.030.771	690.030.771
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	3.771.772.435	3.646.122.435
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		129.845.664.168	132.664.284.592
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2012

II. Tài sản cố định		220		15.206.148.130	15.618.102.962
1. Tài sản cố định hữu hình		221	V.12	9.897.225.944	10.284.437.952
<i>Nguyên giá</i>		222		18.245.459.419	18.121.162.511
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		223		(8.348.233.475)	(7.836.724.559)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		224		-	-
<i>Nguyên giá</i>		225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình		227	V.13	4.952.115.176	4.995.039.818
<i>Nguyên giá</i>		228		5.380.992.840	5.380.992.840
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		229		(428.877.664)	(385.953.022)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		230	V.14	356.807.010	338.625.192
III. Bất động sản đầu tư		240		26.485.410.027	26.773.636.617
<i>Nguyên giá</i>		241	V.15	28.610.873.830	28.610.873.830
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		242		(2.125.463.803)	(1.837.237.213)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		250		87.596.138.593	89.044.462.467
1. Đầu tư vào công ty con		251	V.16	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		252	V.17	64.105.056.000	62.973.201.366
3. Đầu tư dài hạn khác		258	V.18	25.785.558.448	28.385.814.448
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		259	V.19	(2.294.475.855)	(2.314.553.347)
V. Tài sản dài hạn khác		260		557.967.418	1.228.082.546
1. Chi phí trả trước dài hạn		261	V.20	557.967.418	1.228.082.546
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác		268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		305.232.842.428	294.615.918.973
		Mã	Thuyết		
		số	minh	30/06/2012	01/01/2012
NGUỒN VỐN					
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		73.196.750.009	56.571.572.150
I. Nợ ngắn hạn		310		73.145.210.897	56.520.033.038
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	V.21	42.023.682.620	44.120.677.000
2. Phải trả người bán		312	V.22	19.324.960.111	6.834.313.362
3. Người mua trả tiền trước		313	V.23	91.384.469	76.429.642
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.24	319.158.610	171.878.596
5. Phải trả người lao động		315		17.264.000	6.100.000
6. Chi phí phải trả		316		1.067.336.389	1.209.643.693
7. Phải trả nội bộ		317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	V.25	10.301.424.698	1.213.519.374
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323		-	2.887.471.371

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2012

II. Nợ dài hạn	330		51.539.112	51.539.112
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.26	51.539.112	51.539.112
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		232.036.092.419	238.044.346.823
I. Vốn chủ sở hữu	410		232.036.092.419	238.044.346.823
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.27	95.699.000.000	95.699.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.27	117.533.777.249	117.533.777.249
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.27	11.025.017.419	11.025.017.419
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.27	7.778.297.751	13.786.552.155
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		-	-
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		305.232.842.428	294.615.918.973

Người lập biểu



Huỳnh Bảo Khánh

Kế toán trưởng



Phạm Thúy Oanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2012

Tổng giám đốc



Vũ Quốc Vinh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý II năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Quý II		Đơn vị tính: VND		
		Năm nay	Năm trước	Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này		
				Năm nay	Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	48.342.495.705	53.155.205.132	125.411.620.261	122.321.851.661
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL.2	999.087.538	147.214.544	2.076.355.624	199.260.243
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		47.343.408.167	53.007.990.588	123.335.264.637	122.122.591.418
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.3	45.115.420.217	52.160.455.193	117.906.598.776	120.738.857.633
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.227.987.950	847.535.395	5.428.665.861	1.383.733.785
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.4	6.080.507.238	1.863.349.380	17.795.203.472	10.142.432.459
7. Chi phí tài chính	22	VL.5	1.983.304.335	1.415.873.788	4.364.303.824	1.714.419.803
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.638.402.552	161.512.836	3.268.198.349	441.750.345
8. Chi phí bán hàng	24	VL.6	4.935.012.083	2.778.837.333	9.530.089.527	5.137.300.801
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL.7	3.128.496.618	2.568.281.423	6.106.350.931	5.283.015.988
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.738.317.848)	(4.052.107.769)	3.223.125.051	(608.570.348)
11. Thu nhập khác	31	VL.8	1.929.347.525	3.667.262.523	4.308.142.603	7.616.395.678
12. Chi phí khác	32	VL.9	141.659.638	2.033	141.662.058	1.002.800
13. Lợi nhuận khác	40		1.787.687.887	3.667.260.490	4.166.480.545	7.615.392.878
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		49.370.039	(384.847.279)	7.389.605.596	7.006.822.530
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51					

1734
3 T
HÀ
...
00

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết minh số	Quý II		Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	49.370.039	(384.847.279)	7.389.605.596	7.006.822.530
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5	772	772	732

Người lập biểu



Huỳnh Bảo Khánh

Kế toán trưởng



Phạm Thúy Oanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2012



Vũ Quốc Vinh

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		156.001.705.579	144.412.104.914
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(141.985.133.440)	(130.233.738.312)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(10.085.371.322)	(8.913.260.143)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(3.195.409.906)	(441.750.345)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.831.923.814	2.643.924.408
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(8.999.111.468)	(7.765.525.240)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<u><i>(5.431.396.743)</i></u>	<u><i>(298.244.718)</i></u>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(105.945.999)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.468.892.139)	(840.170.878)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	424.543.626
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.640.270.005	25.009.917.551
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<u><i>1.065.431.867</i></u>	<u><i>24.594.290.299</i></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		51.325.558.020	18.921.495.550
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(52.922.552.400)	(46.092.900.832)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.897.545.143)	(4.212.037.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.494.539.523)	(31.383.442.532)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(9.860.504.399)	(7.087.396.951)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	19.517.661.300	16.798.113.156
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	9.657.156.901	9.710.716.205

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2012

Người lập biểu



Huỳnh Bảo Khánh

Kế toán trưởng



Phạm Thúy Oanh

Tổng giám đốc



Vũ Quốc Vinh

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2012

I. I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Thương mại
3. Ngành nghề kinh doanh : Thiết kế sản xuất, gia công lắp ráp và kinh doanh các mặt hàng điện tử dân dụng; thiết lập mạng lưới thiết bị internet, cung cấp dịch vụ truy nhập Internet công cộng và kinh doanh dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng; sản xuất và lắp ráp thiết bị bưu chính viễn thông; kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế và nội địa; kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không hoạt động ở Thành phố Hồ Chí Minh); kinh doanh vận chuyển hành khách bằng đường thủy và taxi; cho thuê nhà xưởng, kho bãi; đại lý ký gửi hàng hóa; tư vấn và thiết kế phần mềm máy tính cũng như mạng máy tính.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

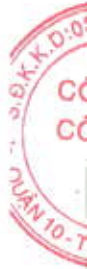
1. Kỳ kế toán
Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/04/2012 đến ngày 30/06/2012
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. Hình thức kế toán áp dụng
Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc
Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
2. Tiền và tương đương tiền
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.
3. Hàng tồn kho
Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.



CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2012

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp tính giá hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo Biên bản thỏa thuận, chứng từ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	08-25
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-6

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ chi phí mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư là 50 năm.

7. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 10 năm.

Bản quyền

Bản quyền phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Công ty đã chi ra để mua bản quyền vào sử dụng và được khấu hao trong 10 năm.

501173

CÔNG TY
CỔ PHẦN
TIE

P. HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2012

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế mà Công ty đã chi ra bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí giải phóng mặt bằng, lệ phí trước bạ...

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả phát sinh trong kỳ.

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và Bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại Công ty. Mức trích lập Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là đảm bảo số dư tối đa bằng 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trong trường hợp Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu (vốn điều lệ): được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.



14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2012

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Tiền mặt	169.225.172	473.724.041
Tiền gửi ngân hàng	8.487.931.729	12.043.937.259
Các khoản tương đương tiền	1.000.000.000	7.000.000.000
Cộng	9.657.156.901	19.517.661.300

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>30/06/2012</u>		<u>01/01/2012</u>	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cty ĐTPT và KCN Sông Đà (SJS)	44.000	2.623.600.000	34.000	2.324.100.000
Cty CP XD-KD Địa ốc Hòa Bình (HBC)	7	60.000	7	60.000
Cty CP Dầu Tường An (TAC)	-	-	6.000	828.000.000
NH TM CP Sài Gòn Thương Tín (STB)	10.005	247.092.470	108.675	2.190.750.000
Cty CP CK Đại Việt	20.000	980.000.000	20.000	980.000.000
NH TM CP Ngoại Thương VN(VCB)	5.000	151.600.000		
Cty TNHH Dụng Cụ Điện Việt Nam		-		7.919.015.736
Cộng		4.002.352.470		14.241.925.736

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

- * Cổ phiếu Công ty ĐTPT và KCN Sông Đà (SJS) : tăng do trong kỳ mua thêm 10.000 cổ phiếu .
- * Cổ phiếu Công ty CP Dầu Tường An (TAC) : giảm do trong kỳ bán 6.000 cổ phiếu .
- * Cổ phiếu NH TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB): giảm do trong kỳ bán 108.670 cổ phiếu và mua 10.000 cổ phiếu
- * Cổ phiếu NH TMCP Ngoại Thương VN(VCB) : tăng do trong kỳ mua 5.000 cổ phiếu .
- * Khoản đầu tư vào Cty TNHH Dụng Cụ Điện Việt Nam (PTV) : giảm do trong kỳ đã chuyển nhượng vốn góp của TIE tại PTV cho Cty TNHH Applied Technology Precision (ATP) theo Nghị Quyết số 10-2012/NQ-HĐQT ngày 18/06/2012 của Hội đồng quản trị Cty CP TIE và hợp đồng chuyển nhượng số 73N/HĐ-CNV ngày 18/06/2012 được ký giữa TIE và ATP.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(2.048.981.470)	(6.317.460.735)

4. Phải thu khách hàng

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
<i>Văn phòng Công ty</i>		
Cty CP TIE - Chi nhánh Phú Quốc	35.879.551.268	46.897.904.103
Cty CP TIE - Chi nhánh Hà Nội	161.510.973	27.927.500
Cty CP TIE - Chi nhánh Cần Thơ	495.495.449	672.615.131
	379.821.053	228.463.023
Cộng	36.916.378.743	47.826.909.757

5. Trả trước cho người bán

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Văn phòng Công ty	884.867.221	1.711.416.434
Cty CP TIE - Chi nhánh Phú Quốc	1.258.448.500	1.003.015.000
Cộng	2.143.315.721	2.714.431.434

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2012

6. Các khoản phải thu khác

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Cổ tức và lợi nhuận được chia	46.200.000.000	33.600.000.000
Tạm chi quỹ khen thưởng phúc lợi	1.736.978.715	-
Dự án cao ốc 376 Điện Biên Phủ	-	8.077.570
Tài khoản Công ty CK Ngân hàng Đông Á	553.435.906	261.328.227
Công ty CP Viễn thông Thế hệ mới (NGT Cor.)(*)	3.210.000.000	3.210.000.000
Thù lao Hội đồng quản trị	250.731.966	-
Các khoản phải thu khác	500.043.982	496.605.393
Cộng	<u>52.451.190.569</u>	<u>37.576.011.190</u>

(*) Khoản phải thu Công ty CP Viễn thông Thế hệ mới (NGT Cor.) đã được lập dự phòng do khó có khả năng thu hồi.

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
<i>Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán</i>		
Khoản phải thu Lê Nguyên Vũ	(35.000.000)	(35.000.000)
Khoản phải thu Cty CP thế hệ mới NGT	(3.210.000.000)	(3.210.000.000)
Khoản phải thu Cty TH Điện Tử Thuận An	(2.421.569.620)	(2.421.569.620)
Khoản phải thu Cty CP Điện máy - Máy tính Viễn Thông Hợp Nhất	(139.430.001)	(139.430.001)
Cộng	<u>(5.805.999.621)</u>	<u>(5.805.999.621)</u>

8. Hàng tồn kho

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Hàng mua đang đi trên đường	77.636.365	3.069.832.896
Nguyên liệu, vật liệu	252.511.429	188.256.275
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	41.273.765	41.216.504
Thành phẩm	492.938.103	116.837.196
Hàng hóa	74.908.948.973	48.614.645.426
Hàng gửi đi bán	-	336.837.696
Cộng	<u>75.773.308.635</u>	<u>52.367.625.993</u>

9. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Hàng hóa	(5.991.588.330)	(5.991.588.330)

10. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số đầu kỳ 01/01/2012	Tăng trong kỳ	K/chuyển vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ 30/06/2012
<i>Văn phòng Công ty</i>	117.564.772	944.611.874	405.899.328	656.277.318
Chi phí trả trước	-	5.454.238	5.454.238	-
Chi phí thuê kho, nhà tại Chi nhánh	109.805.000	221.363.636	213.236.818	117.931.818
Chi phí thuê đất	-	717.794.000	179.448.500	538.345.500
Chi phí bảo hiểm cháy nổ	7.759.772	-	7.759.772	-
<i>Cty CP TIE - Chi nhánh Hà Nội</i>	3.027.273	12.740.181	14.093.454	1.674.000
<i>Cty CP TIE - Chi nhánh Phú Quốc</i>	11.741.384	469.921.600	432.970.666	48.692.318
Cộng	<u>132.333.429</u>	<u>1.427.273.655</u>	<u>852.963.448</u>	<u>706.643.636</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2012

11. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2012	01/01/2012
Tài sản thiếu chờ xử lý	3.458.322.435	3.458.322.435
Tạm ứng	258.450.000	132.800.000
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	55.000.000	55.000.000
Cộng	3.771.772.435	3.646.122.435

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
1. Số đầu kỳ	12.713.714.365	571.328.984	4.002.861.860	833.257.302	18.121.162.511
2. Tăng trong kỳ	-	18.000.000	278.992.806	83.490.909	380.483.715
Trong đó	-	-	-	-	-
Điều chuyển	-	-	256.186.807	-	256.186.807
Mua mới	-	18.000.000	22.805.999	83.490.909	124.296.908
3. Giảm trong kỳ	-	-	256.186.807	-	256.186.807
Trong đó	-	-	-	-	-
Điều chuyển	-	-	256.186.807	-	256.186.807
4. Số cuối kỳ	12.713.714.365	589.328.984	4.025.667.859	916.748.211	18.245.459.419

Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

568.062.102	515.968.801	-	461.876.742	1.545.907.645
-------------	-------------	---	-------------	---------------

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.545.907.645 đồng

Giá trị hao mòn

Số đầu kỳ	5.245.140.229	549.182.190	1.366.946.750	675.455.390	7.836.724.559
Tăng trong kỳ	244.700.238	7.797.071	404.312.236	66.053.481	722.863.026
Giảm trong kỳ	-	-	(211.354.110)	-	(211.354.110)
Số cuối kỳ	5.489.840.467	556.979.261	1.559.904.876	741.508.871	8.348.233.475

Giá trị còn lại

Số đầu kỳ	7.468.574.136	22.146.794	2.635.915.110	157.801.912	10.284.437.952
Số cuối kỳ	7.223.873.898	32.349.723	2.465.762.983	175.239.340	9.897.225.944

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm QTDN	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	858.492.840	4.522.500.000	5.380.992.840
Số cuối kỳ	858.492.840	4.522.500.000	5.380.992.840
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	385.953.022	-	385.953.022
Tăng trong kỳ	42.924.642	-	42.924.642
Số cuối kỳ	428.877.664	-	428.877.664
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	472.539.818	4.522.500.000	4.995.039.818
Số cuối kỳ	429.615.176	4.522.500.000	4.952.115.176

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2012

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu kỳ 01/01/2012	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển trong kỳ	Số cuối kỳ 30/06/2012
XDCB dở dang				
- Văn phòng Phú Quốc	166.784.416	18.181.818	-	184.966.234
- Thiết kế cửa hàng kinh doanh SP điện	81.818.182	-	-	81.818.182
- Khác	90.022.594	-	-	90.022.594
Cộng	338.625.192	18.181.818	-	356.807.010

15. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Số đầu kỳ 01/01/2012	Tăng trong kỳ	Số cuối kỳ 30/06/2012
Nguyên giá	28.610.873.830	-	28.610.873.830
Giá trị hao mòn	1.837.237.213	288.226.590	2.125.463.803
Giá trị còn lại	26.773.636.617	-	26.485.410.027

Bất động sản đầu tư gồm:

* Quyền sử dụng thửa đất tại khu phố 7, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang với tổng diện tích 7.825,9 m². Thời gian sử dụng đất là 50 năm kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2007.

* Quyền sử dụng đất đối với 38.887,9 m² đất tại Phường Bình Chuẩn, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương với thời gian sử dụng đất là 50 năm

Tại thời điểm cuối kỳ Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư trên.

16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	30/06/2012		01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Công ty Điện tử Samsung Vina		53.665.056.000		53.665.056.000
- Công ty CP Đầu Tư TIE-EXIM		10.440.000.000		9.308.145.366
Cộng		64.105.056.000		62.973.201.366

Công ty đầu tư vào Công ty Điện tử Samsung Vina bằng quyền sử dụng 58.200 m² đất tại xã Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị tương đương 3.492.000 USD hay 53.665.056.000 VND trong vòng 20 năm kể từ năm 1995, tương đương 20% vốn điều lệ.

Trong kỳ Công ty đã đầu tư góp vốn vào Công ty CP Đầu Tư TIE-EXIM 10.440.000.000 VND tương đương 29% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2012

17. Đầu tư dài hạn khác

<i>Đầu tư cổ phiếu</i>	30/06/2012		01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
NH TMCP Xuất nhập khẩu VN	730.078	8.182.728.448	822.289	10.782.984.448
Cty CP vận chuyển Saigon Tourist	58.212	603.120.000	58.212	603.120.000
Cty CP DV Bưu chính VT Sài Gòn	1.431.327	8.674.710.000	1.431.327	8.674.710.000
Cty CP BĐS Sài Gòn Đông Dương	600.000	6.000.000.000	600.000	6.000.000.000
Cty CP Văn hóa Tân Bình	40.875	2.325.000.000	40.875	2.325.000.000
Cộng		25.785.558.448		28.385.814.448

* Trong kỳ công ty có nhận 139.789 cổ phiếu (cổ tức) và đã bán 232.000 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam.

19. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2012	01/01/2012
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	(2.294.475.855)	(2.314.553.347)

20. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu kỳ 01/01/2012	Tăng trong kỳ	K/chuyển vào cphi SX trong kỳ	Số cuối kỳ 30/06/2012
Văn phòng Công ty	1.228.082.546	262.990.083	935.941.575	555.131.054
Chi nhánh Cần Thơ		3.545.455	709.091	2.836.364
Cộng	1.228.082.546	266.535.538	936.650.666	557.967.418

21. Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2012	01/01/2012
Vay ngắn hạn NHTM cổ phần Công thương VN - CN TPHCM	32.023.682.620	44.120.677.000
Vay ngắn hạn Tổng Cty Công Nghiệp Sài Gòn - TNHH Một Thành Viên	10.000.000.000	-
Cộng	42.023.682.620	44.120.677.000

Công ty ký hợp đồng vay ngắn hạn số 12.1462001/HỆTDHM ngày 17 tháng 04 năm 2012 với Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh để phục vụ kế hoạch kinh doanh năm 2012. Hai bên thỏa thuận nội dung cho vay không có đảm bảo bằng tài sản là 70 tỷ VNĐ (bao gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi)

Công ty ký hợp đồng vay ngắn hạn số 30N/HĐ/TIE12 ngày 22 tháng 02 năm 2012 với Tổng công ty Công Nghiệp Sài Gòn để phục vụ kế hoạch kinh doanh năm 2012.

22. Phải trả người bán

	30/06/2012	01/01/2012
Công ty Điện tử Samsung Vina	13.339.152.962	6.352.295.859
Cty TNHH Achieva Technology Việt Nam	827.592.100	-
MMD Singapore Pte Ltd.	4.781.775.552	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	376.439.497	482.017.503
Cộng	19.324.960.111	6.834.313.362

23. Người mua trả tiền trước

	30/06/2012	01/01/2012
Văn phòng Công ty	91.384.469	76.429.642
Cộng	91.384.469	76.429.642

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2012

24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ 01/01/2012	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ 30/06/2012
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	44.644.769	243.768.628	233.807.052	54.606.345
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	47.470.349	1.367.580.848	1.205.878.492	209.172.705
- Thuế xuất, nhập khẩu	9.307.910	40.472.135	49.780.045	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	(690.030.771)	-	-	(690.030.771)
- Thuế thu nhập cá nhân	70.455.568	498.696.889	513.772.897	55.379.560
- Thuế nhà đất	-	859.450.000	859.450.000	-
- Các loại thuế khác	-	9.000.000	9.000.000	-
Cộng	(518.152.175)	3.018.968.500	2.871.688.486	(370.872.161)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Quý II năm 2012	Quý II năm 2011
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	49.370.039	(384.847.279)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(5.030.401.340)	(1.160.093.350)
- Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập	5.030.401.340	1.160.093.350
Tổng thu nhập chịu thuế	(4.981.031.301)	(1.544.940.629)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2012	01/01/2012
Kinh phí công đoàn	50.974.596	49.975.824
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	9.862.063.857	361.749.000
Thù lao của Hội đồng quản trị	-	329.868.034
TCT Công Nghiệp Sài Gòn -TNHH Một Thành Viên	238.333.333	-
Cty CP Bất động sản EXIM	-	345.115.075
Các khoản phải trả khác	150.052.912	126.811.441
Cộng	10.301.424.698	1.213.519.374

26. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	30/06/2012	01/01/2012
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	51.539.112	51.539.112

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2012

27. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số đầu kỳ	95.699.000.000	117.533.777.249	11.025.017.419	13.786.552.155
Lợi nhuận tăng trong kỳ				7.389.605.596
Cổ tức năm 2012				13.397.860.000
Số cuối kỳ	95.699.000.000	117.533.777.249	11.025.017.419	7.778.297.751

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

		Tỷ lệ (%)
Vốn đầu tư của Nhà nước	66.990.000.000	70%
Vốn góp của các cổ đông	28.709.000.000	30%
Cộng	95.699.000.000	100%

0301
CÔNG
CỔ P
TIE
TP. H

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2012

**THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ
VI. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu**

	Quý II năm 2012	Quý II năm 2011
Tổng doanh thu	48.342.495.705	53.155.205.132
- Doanh thu bán hàng hóa	41.947.656.427	47.353.580.358
- Doanh thu bán thành phẩm	1.110.067.987	254.870.205
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	266.365.374	73.171.818
- Doanh thu bán hàng (CN Phú Quốc)	3.425.393.205	4.023.960.014
- Doanh thu bán hàng (Chi nhánh Hà Nội)	1.232.733.676	1.351.634.928
- Doanh thu bán hàng (Chi nhánh Cần Thơ)	360.279.036	97.987.809
Các khoản giảm trừ doanh thu	999.087.538	147.214.544
- Hàng bán bị trả lại	999.087.538	147.214.544
Doanh thu thuần	47.343.408.167	53.007.990.588

2. Giá vốn hàng bán

	Quý II năm 2012	Quý II năm 2011
Giá vốn thành phẩm xuất bán (VP Cty)	1.052.656.117	413.407.252
Giá vốn của hàng hóa xuất bán (VP Cty)	39.752.843.721	47.334.479.065
Giá vốn hàng bán (Chi nhánh Phú Quốc)	2.825.295.590	3.038.641.008
Giá vốn hàng bán (Chi nhánh Hà Nội)	1.122.073.963	1.285.657.886
Giá vốn hàng bán (Chi nhánh Cần Thơ)	362.550.826	88.269.982
Cộng	45.115.420.217	52.160.455.193

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý II năm 2012	Quý II năm 2011
Lãi tiền gửi	47.011.760	488.490.812
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.030.401.340	1.160.093.350
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	420.021.316	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	528.822	214.765.218
Khác	582.544.000	-
Cộng	6.080.507.238	1.863.349.380

4. Chi phí tài chính

	Quý II năm 2012	Quý II năm 2011
Chi phí lãi vay	1.638.402.552	161.512.836
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	-	1.238.506.374
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	13.669.395	15.854.578
Chi phí khác	331.232.388	-
Cộng	1.983.304.335	1.415.873.788

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2012

5. Chi phí bán hàng

	Quý II năm 2012	Quý II năm 2011
Chi phí cho nhân viên	2.104.617.177	1.193.699.867
Chi phí công cụ, dụng cụ	5.402.727	5.652.818
Chi phí dụng cụ bán hàng	34.684.975	52.003.041
Chi phí khấu hao tài sản cố định	174.809.319	172.081.428
Chi phí bảo hành	187.108.924	45.630.667
Chi phí dịch vụ mua ngoài	706.647.934	618.284.938
Chi phí khác	1.721.741.027	691.484.574
Cộng	4.935.012.083	2.778.837.333

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý II năm 2012	Quý II năm 2011
Chi phí cho nhân viên	1.344.181.595	1.117.332.104
Chi phí vật liệu quản lý	43.186.713	39.618.563
Chi phí đồ dùng văn phòng	27.126.591	19.839.848
Chi phí khấu hao tài sản cố định	247.364.052	245.137.074
Thuế, phí và lệ phí	92.333.773	118.080.624
Chi phí dịch vụ mua ngoài	350.590.131	301.486.702
Chi phí khác	1.023.713.763	726.786.508
Cộng	3.128.496.618	2.568.281.423

7. Thu nhập khác

	Quý II năm 2012	Quý II năm 2011
Thu khác	180.735.182	1.845.444
Thu hỗ trợ tiền bán hàng từ nhà sản xuất	1.748.612.343	3.665.417.079
Thu được do nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	-
Thu hỗ trợ khác	-	-
Cộng	1.929.347.525	3.667.262.523

8. Chi phí khác

	Quý II năm 2012	Quý II năm 2011
Tiền thuê đất tại 376 Điện Biên Phủ năm 2012	141.656.000	
Chi phí khác	3.638	2.033
Cộng	141.659.638	2.033

Người lập biểu



Huỳnh Bảo Khánh

Kế toán trưởng



Phạm Thúy Oanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2012

Tổng giám đốc



 Vũ Quốc Vinh